**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CHÂU THÀNH A**
**TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/12/2023.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Trần Minh Mẫn.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Cao Văn Chuộng

2. Ông Trần Văn Thanh

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Thông – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2023/QĐST-HN ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị **T**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm V, xã K, huyện KS, tỉnh N. Vắng mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Tiến C. Văn phòng luật sư Nguyễn Tiến C – Đoàn luật sư tỉnh H. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn **K**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện CTA, tỉnh H. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị **T** trình bày*: Chị và anh Nguyễn Văn **K** tự quen biết, sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, hai bên có tổ chức lễ cưới tại địa phương, có thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện CTA, tỉnh H vào ngày 29/3/2010. Thời gian

đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và cách nuôi dạy, chăm sóc con chung dẫn đến vợ chồng thường hay cữ cải gây mất hạnh phúc, chị và anh **K** đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn **K**.

Về con chung: Thời gian chung sống, chị và anh **K** có 03 con chung tên Nguyễn Phạm Bảo **L**, giới tính: Nam, sinh ngày 16/5/2010, Nguyễn Phạm Bảo Anh, giới tính: Nữ, sinh ngày 31/01/2014 và Nguyễn Phạm Kiều **D**, giới tính: Nữ, sinh ngày 08/02/2017, hiện tại các con đang sống với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh **K** phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn **K*** quá trình tố tụng đã được Toà án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không đến toà nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên toà: Chị Phạm Thị **T** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn **K** tiếp tục vắng mặt nên không thể phát biểu yêu cầu nào mới.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị **T** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và gởi kèm bản luận cứ nêu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị Phạm Thị **T**.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**Về thủ tục tố tụng**:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn **K**, hiện tại có nơi cư trú tại ấp B, xã T, huyện CTA, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3] Về xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn **K** là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

**Về nội dung tranh chấp:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **T** và anh **K** chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện CTA, tỉnh H theo quy định nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị **T** yêu cầu ly hôn vì cho rằng chị và anh **K** chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cữ cãi gây mất hạnh phúc, Tòa đã mở phiên hòa giải để tạo điều kiện cho anh, chị được đoàn tụ nhưng anh **K** không tham dự. Xét quan hệ hôn nhân phải dựa trên nền tảng thương yêu, tôn trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng chị **T** và anh **K** chung sống phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay lại không tạo điều kiện hàn gắn thể hiện mâu thuẫn đã trầm trọng, chị **T** kiên quyết yêu cầu được ly hôn, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phạm Thị **T** được ly hôn với anh Nguyễn Văn **K**.

[2]. Về con chung: Chị **T** có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Xét thấy: Chị **T** và anh **K** sống với nhau có 03 con chung tên Nguyễn Phạm Bảo **L**, giới tính: Nam, sinh ngày 16/5/2010, Nguyễn Phạm Bảo A, giới tính: Nữ, sinh ngày 31/01/2014 và Nguyễn Phạm Kiều **D**, giới tính: Nữ, sinh ngày 08/02/2017, hiện tại các con đang sống chung với chị **T**. Anh **K** biết chị **T** yêu cầu ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng vẫn không thể hiện ý kiến gì về việc nuôi con. Do cháu Nguyễn Phạm Bảo **L** và Nguyễn Phạm Bảo A hiện tại đã trên 7 tuổi, theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình thì việc giao cháu cho ai được trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét nguyện vọng của cháu và tại Bản tự khai của cháu **L** và cháu Bảo A thể hiện nếu cha mẹ không sống chung nữa thì các cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó để không làm xáo trộn, ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu, Hội đồng xét xử giao các các cháu cho chị **T** được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn **K** chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị **T** không yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung: Không có nên không giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có nên không giải quyết

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Phạm Thị **T** phải chịu theo quy định.

[6]. Về ý kiến phát biểu bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của luật sư Nguyễn Tiến Cđể bảo vệ cho chị Phạm Thị **T**. Xét thấy các luận cứ mà luật sư đã đưa ra là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị **T** được ly hôn với anh Nguyễn Văn **K**.

2. Về con chung: Giao các con chung tên Nguyễn Phạm Bảo **L**, giới tính: Nam, sinh ngày 16/5/2010, Nguyễn Phạm Bảo Anh, giới tính: Nữ, sinh ngày 31/01/2014 và Nguyễn Phạm Kiều **D**, giới tính: Nữ, sinh ngày 08/02/2017 cho chị Phạm Thị **T** được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn **K** chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị **T** không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn **K** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị **T** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị **T** đã nộp theo biên lai thu số 0002271 ngày 03/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Chị **T** không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Minh Mẫ**

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành A
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành A
- UBND xã T
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.